

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, bãi bỏ một số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 244/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ lĩnh vực đấu thầu thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 585/QĐ-BKHĐT ngày 22/4/2019 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019 của Bộ Trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của liên hiệp hợp tác xã và hợp tác xã thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (*Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này*).

Điều 2. Bãi bỏ 107 thủ tục hành chính (cấp tỉnh 83 TTHC, cấp huyện 24 TTHC) được ban hành tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình; Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình về việc công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình (*Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính Phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm tin học - Công báo;
- Lưu: VT, VP11

ĐN/KSTT2019

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Tổng Quang Thìn

Phụ lục I
DANH MỤC TTHC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ,
UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
I. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp							
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	1/ Trường hợp đăng ký qua mạng điện tử: Nếu quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày gửi thông báo về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mà Phòng Đăng ký kinh doanh không nhận được hồ sơ bằng bản giấy thì hồ sơ đăng ký điện tử của doanh nghiệp không còn hiệu lực. 2/ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh	x	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.

2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015;
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh	x	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.

4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	<p>1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ;</p> <p>2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</p>	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019;
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	<p>1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ;</p> <p>2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh</p>	x	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.

6	<p>Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>		x	<p>1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</p>	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
7	<p>Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)</p>	<p>Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>		x	<p>1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử</p>	x	

8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019;
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	

12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015;
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	

	trở lên					
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x
17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x
19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ	x

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015;
- Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015;
- Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019;
- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016;
- Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.

20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019;
22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	- Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	

24	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Sau khi Phòng Đăng ký kinh doanh/Trung tâm Hỗ trợ nghiệp vụ đăng ký kinh doanh thuộc Cục Quản lý đăng ký kinh doanh nhận được phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp và Giấy đề nghị công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp.		x	1/ Phí: 300.000 đồng, nộp tại thời điểm đăng ký doanh nghiệp, thời điểm đề nghị công bố; 2/ Miễn phí trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính dẫn đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp; 3/ Miễn phí công bố lần đầu trong trường hợp doanh nghiệp chuyển đổi từ hộ kinh doanh.	x	

27	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Khi nhận Thông báo mẫu con dấu/Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu, số lượng con dấu/Thông báo về việc huỷ mẫu con dấu của doanh nghiệp/chi nhánh/văn phòng đại diện của doanh nghiệp, Phòng đăng ký kinh doanh trao giấy biên nhận và thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.		x	Miễn phí khi công bố mẫu con dấu	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Nghị định số 108/2018/NĐ-CP ngày 23/8/2018; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	<ul style="list-style-type: none"> 1/ Đăng ký trực tiếp: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử 		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.

29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	

32	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	

36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 50.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
37	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	Công ty có quyền bán cổ phần sau 05 ngày làm việc, kể từ ngày gửi Thông báo mà không nhận được ý kiến phản đối của cơ quan đăng ký kinh doanh.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
38	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	Không quy định		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
39	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	Không	x	
40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	

41	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
42	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
44	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	

45	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
46	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
47	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
48	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	

49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
50	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
51	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn	Trong thời hạn 05 ngày làm việc		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	
52	Thông báo tạm ngừng kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		x	Miễn lệ phí	x	
53	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		x	Miễn lệ phí	x	

54	Giải thể doanh nghiệp	Sau thời hạn 180 ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giải thể theo khoản 3 Điều 202 Luật Doanh nghiệp mà không nhận được ý kiến về việc giải thể từ doanh nghiệp hoặc phản đối của bên có liên quan bằng văn bản hoặc trong 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ giải thể, Cơ quan đăng ký kinh doanh cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.		x	Miễn lệ phí	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
55	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án		x	Miễn lệ phí	x	
56	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ - Chuẩn		x	Miễn lệ phí	x	
57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	

58	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký thuế sang Giấy CNĐKDN nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đăng ký trực tiếp: 100.000 đồng/lần, nộp tại thời điểm nộp hồ sơ; 2/ Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 215/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016; - Thông tư số 130/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017.
59	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	Miễn lệ phí	x	
60	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	1/ Đối với trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần; 2/ Miễn lệ phí trong các trường hợp: không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định tại các điều từ Điều 49 đến Điều 54 Nghị định số 78/2015/NĐ-CP; bổ sung, thay đổi thông tin do thay đổi địa giới hành chính	x	

II. Lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa							
Mục 1. Thủ tục về đề nghị hỗ trợ tư vấn							
61	Đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	Không quy định		x	Không	x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2017; - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2019; - Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019.
III. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Liên hiệp Hợp tác xã							
62	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	150.000 đồng/ lần	x	- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;
63	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	150.000 đồng/ lần	x	- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
64	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	75.000 đồng/ lần	x	

65	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	75.000 đồng/ lần	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
66	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	150.000 đồng/ lần	x	
67	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	150.000 đồng/ lần	x	
68	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	150.000 đồng/ lần	x	
69	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	75.000 đồng/ lần	x	
70	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	75.000 đồng/ lần	x	
71	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	Không	x	
72	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	30.000 đồng/ lần	x	
73	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	30.000 đồng/ lần	x	

74	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	Không	x	- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;
75	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	Không	x	- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;
76	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	75.000 đồng/ lần	x	- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

IV. Lĩnh vực Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)

77	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	- Đối với dự án nhóm A: Tối đa 60 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Đối với dự án nhóm B: Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		x	Không	x	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018; - Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018.
78	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất	Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh gồm: - Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày; - Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày; - Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.		x	Không	x	

79	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất	Thời hạn thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi gồm: - Đối với dự án quan trọng quốc gia: Không quá 90 ngày; - Đối với dự án nhóm A: Không quá 40 ngày; - Đối với dự án nhóm B, nhóm C: Không quá 30 ngày.	x		Không	x	- Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018; - Thông tư số 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018.
----	--	---	---	--	-------	---	---

II. Thủ tục hành chính cấp huyện

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ chế thực hiện		Phí, lệ phí	Thực hiện qua dịch vụ BCCI	Căn cứ pháp lý
			Một cửa	Một cửa liên thông			
I. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh							
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		x	150.000 đồng/ lần	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		x	75.000 đồng/ lần	x	

3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		x	Không	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019.
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Không quy định		x	Không	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019.
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ		x	75.000 đồng/ lần	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014; - Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015; - Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; - Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

II. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã

6	Đăng ký thành lập hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	150.000 đồng/ lần	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Nghị định số 107/2017/NĐ-CP ngày 15/9/2017; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
7	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	150.000 đồng/ lần	x	
8	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	75.000 đồng/ lần	x	
9	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	75.000 đồng/ lần	x	
10	Đăng ký khi hợp tác xã chia	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	150.000 đồng/ lần	x	
11	Đăng ký khi hợp tác xã tách	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	150.000 đồng/ lần	x	
12	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	150.000 đồng/ lần	x	
13	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	75.000 đồng/ lần	x	

14	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	75.000 đồng/ lần	x	- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014;
15	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	Không	x	- Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;
16	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	30.000 đồng/ lần	x	- Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017;
17	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	30.000 đồng/ lần	x	- Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.
18	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	Không	x	- Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;
19	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	Không	x	- Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019.

20	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	75.000 đồng/ lần	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hợp tác xã số 23/2012/QH13 ngày 20/11/2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019;
21	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ		x	30.000 đồng/ lần	x	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016; - Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017; - Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016.

Phụ lục II
DANH MỤC TTHC BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ,
UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình)

I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh

STT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ/hủy bỏ	QĐ công bố	Mã số hồ sơ
I. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của doanh nghiệp				
1	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271833
2	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên			BKH-NBI-271834
3	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên			BKH-NBI-271835
4	Đăng ký thành lập công ty cổ phần			BKH-NBI-271884
5	Đăng ký thành lập công ty hợp danh			BKH-NBI-271885
6	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

7	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271887
8	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh			BKH-NBI-271888
9	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần			BKH-NBI-271889
10	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271890
11	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên		Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271891
12	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức			BKH-NBI-271892

13	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271893
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế			BKH-NBI-271894
15	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty Đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên			BKH-NBI-271895
16	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp			BKH-NBI-271896

17	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271897
18	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích			BKH-NBI-271898
19	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung Đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác			BKH-NBI-271899
20	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			BKH-NBI-271900
21	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân			BKH-NBI-271901

22	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271902	
23	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết			BKH-NBI-271903	
24	Thông báo thay đổi nội dung Đăng ký thuế			BKH-NBI-271904	
25	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			BKH-NBI-271905	
26	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271906

27	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			BKH-NBI-271907
28	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271908
29	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			BKH-NBI-271909
30	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)			BKH-NBI-271910

31	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271911
32	Thông báo lập địa điểm doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			BKH-NBI-271912
33	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271913
34	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)			BKH-NBI-271914

35	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271915
36	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)			BKH-NBI-271916
37	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng			BKH-NBI-271917
38	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)			BKH-NBI-271918
39	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân			Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình

40	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271920
41	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp			BKH-NBI-271921
42	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp		Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271922
43	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp			BKH-NBI-271923
44	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp			BKH-NBI-271924
45	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp			BKH-NBI-271925
46	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)			BKH-NBI-271926
47	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh)			BKH-NBI-271927

48	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271928
49	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên			BKH-NBI-271929
50	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên			BKH-NBI-271930
51	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn			BKH-NBI-271931
52	Thông báo tạm ngừng kinh doanh			BKH-NBI-271932
53	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo			BKH-NBI-271933
54	Giải thể doanh nghiệp			BKH-NBI-271934
55	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án			BKH-NBI-271935
56	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh			BKH-NBI-271936

57	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271937
58	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy CNĐKDN nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế		Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271938
59	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp			BKH-NBI-271939
60	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp			BKH-NBI-271940

II. Lĩnh vực Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa

61	Đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT ngày 29/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn quy chế tổ chức và hoạt động của mạng lưới tư vấn viên, hỗ trợ tư vấn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa thông qua mạng lưới tư vấn viên	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	
----	---------------------------------------	---	--	--

III. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Liên hiệp Hợp tác xã

62	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã			BKH-NBI-271942
63	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã			BKH-NBI-271943
64	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã	Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271944
65	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia			BKH-NBI-271945
66	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách			BKH-NBI-271946
67	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất			BKH-NBI-271947
68	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập			BKH-NBI-271948
69	Cấp lại giấy chứng nhận Đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)			BKH-NBI-271949

70	Cấp lại giấy chứng nhận Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất)	Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271950
71	Cấp lại giấy chứng nhận Đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)			BKH-NBI-271951
72	Cấp lại giấy chứng nhận Đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng)			BKH-NBI-271952
73	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện)			BKH-NBI-271953
74	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã			BKH-NBI-271954
75	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã			BKH-NBI-271955
76	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã			BKH-NBI-271956

77	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã			BKH-NBI-271957
78	Châm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã	Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271958
79	Cấp lại giấy chứng nhận Đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận Đăng ký liên hiệp hợp tác xã)			BKH-NBI-271959
80	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã			BKH-NBI-271960

IV. Lĩnh vực Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP)

81	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất	Thông tư số 09/2019/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 537/QĐ-UBND ngày 06/11/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-272065
82	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất			BKH-NBI-272066
83	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất			BKH-NBI-272067

II. Thủ tục hành chính cấp huyện

STT	Tên thủ tục hành chính	Văn bản quy định việc bãi bỏ/hủy bỏ	QĐ công bố	Mã số hồ sơ
I. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hộ kinh doanh				
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-272039
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh			BKH-NBI-272040
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp		BKH-NBI-272041
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh			BKH-NBI-272042
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh			BKH-NBI-272043
I. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của Hợp tác xã				
6	Đăng ký hợp tác xã	Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271961
7	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã			BKH-NBI-271962

8	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271963
9	Đăng ký khi hợp tác xã chia			BKH-NBI-271964
10	Đăng ký khi hợp tác xã tách			BKH-NBI-271965
11	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất			BKH-NBI-271966
12	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập			BKH-NBI-271967
13	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)			BKH-NBI-271968
14	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)			BKH-NBI-271969
15	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)			BKH-NBI-271970

16	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271971
17	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)			BKH-NBI-271972
18	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã			BKH-NBI-271973
19	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã			BKH-NBI-271974
20	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã			BKH-NBI-271975
21	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã			BKH-NBI-271976
22	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã			BKH-NBI-271977

23	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã	Thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định số 158/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình	BKH-NBI-271978
24	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã			BKH-NBI-271979